

Số: /CHHVN-VTDVHH

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

V/v báo cáo số liệu thống kê tháng
10 năm 2021

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải.

Thực hiện Thông tư số 48/2017/TT-BGTVT ngày 13/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê ngành Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải số liệu thống kê tháng 10 năm 2021 như sau:

I. Báo cáo số liệu khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển Việt Nam (Phụ lục I)

1. Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển tháng 9 năm 2021

Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển tháng 9 năm 2021 đạt 51.200.000 tấn (không bao gồm hàng quá cảnh không xếp dỡ), giảm 11% so với cùng kỳ năm 2020, cụ thể:

- Hàng xuất khẩu đạt 15.559.000 tấn, giảm 5% với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nhập khẩu đạt 15.107.000 tấn, giảm 20% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nội địa đạt 20.425.000 tấn, giảm 8% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng quá cảnh bốc dỡ 109.000 tấn.

Trong đó, thực hiện khối lượng hàng hóa container thông qua cảng biển tháng 9 năm 2021 là: 1.660.000 Teus, giảm 16% so với năm 2020, cụ thể:

- Hàng xuất khẩu đạt 566.000 Teus, giảm 10% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nhập khẩu đạt 543.000 Teus, giảm 16% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nội địa đạt 551.000 Teus, giảm 80% so với cùng kỳ năm 2020.

2. Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển 9 tháng đầu năm 2021

Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển 9 tháng đầu năm 2021 đạt 531.100.000 tấn (không bao gồm hàng quá cảnh không xếp dỡ tại cảng), tăng 2% so với cùng kỳ năm 2020, cụ thể:

- Hàng xuất khẩu đạt 135.929.000 tấn, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nhập khẩu đạt 166.368.000 tấn, giảm 2% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nội địa đạt 227.434.000 tấn, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2020.

- Hàng quá cảnh bốc dỡ 1.369.000 tấn.

Trong đó, thực hiện khối lượng hàng hóa container thông qua cảng biển 9 tháng đầu năm 2021 là: 18.359.000 Teus, tăng 14% so với năm 2020, trong đó:

- Hàng xuất khẩu đạt 6.016.000 Teus, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2020.

- Hàng nhập khẩu đạt 6.046.000 Teus, tăng 16% so với cùng kỳ năm 2020.

- Hàng nội địa đạt 6.297.000 Teus, tăng 12% so với cùng kỳ năm 2020.

3. Nhận xét:

Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển trong 9 tháng đầu năm 2021 tăng 2% so với cùng kỳ năm 2020, thấp hơn so với tháng trước. Nguyên nhân do ảnh hưởng của dịch Covid-19 kéo dài, các tỉnh phía Nam thực hiện việc giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg của Chính phủ, một số nhà máy doanh nghiệp phải ngừng hoạt động một phần hoặc toàn bộ dẫn đến sản lượng hàng hóa xuất nhập khẩu bị giảm. Điều này dẫn tới lưu lượng vận chuyển hàng hóa nói chung và đường biển nói riêng trong tháng 8 giảm 10% và tháng 9 giảm 11% so với cùng kỳ năm ngoái.

+ Khu vực cảng biển có sản lượng tăng như: Quảng Ngãi tăng 39,68 % (từ 24,7 triệu tấn tăng lên 34,52 triệu tấn), lượng tăng chủ yếu là nhập khẩu hàng khô, tổng hợp (tăng 78,47%); khu vực Quy Nhơn tăng 18,33% (từ 7,4 triệu tấn tăng lên 8,75 triệu tấn); khu vực Hải Phòng tăng 10,34% (từ 62,6 triệu tấn lên 69 triệu tấn). Một số khu vực cảng biển có lượng hàng thông qua lớn nhất nước và thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16 CT-TTg của Chính phủ nhưng vẫn giữ mức tăng trưởng như: khu vực TP. Hồ Chí Minh tăng 5% (từ 121 triệu tấn lên 127,96 triệu tấn); khu vực Vũng Tàu tăng 3% (từ 84,98 triệu tấn lên 87,034 triệu tấn) so với cùng kỳ năm trước.

+ Khu vực cảng biển có sản lượng giảm như: Quảng Ninh có số lượng giảm gần 19% (từ 83,5 triệu tấn xuống 67,9 triệu tấn), mức giảm chủ yếu là lượng hàng khô và tổng hợp nhập khẩu giảm 50% so với cùng kỳ năm trước; Bình Thuận giảm 13% (từ 13,13 triệu tấn xuống 11,44 triệu tấn), Đồng Nai giảm gần 5% (từ 16,12 triệu tấn xuống 15,37 triệu tấn) so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó:

- Khối lượng hàng hóa container thông qua cảng biển trong 9 tháng đầu năm 2021 tăng 14% so với cùng kỳ năm 2020. Hầu hết các khu vực có khối lượng hàng container thông qua lớn đều có mức tăng trưởng dương như: Khu vực Vũng Tàu tăng 21% (từ 5,38 triệu Teus tăng lên 6,532 triệu Teus); khu vực TP. Hồ Chí Minh tăng 7,81% (từ 5,6 triệu Teus lên 5,98 triệu Teus); khu vực Hải Phòng tăng 14,9 % (từ 3,79 triệu Teus lên 4,36 triệu Teus) và khu vực Đồng Nai tăng 7% (từ 545.386

Teus lên 584.273 Teus) so với cùng kỳ năm trước. Một số khu vực giảm như: khu vực Thanh Hóa giảm 50% (từ 11.580 Teus xuống 5.794 Teus); khu vực Cần Thơ giảm 21% (từ 94.467 Teus xuống 75.025 Teus), khu vực Nghệ An giảm 7% (55.322 Teus xuống 51.261 Teus) so với cùng kỳ năm 2020.

- Số lượt hành khách thông qua cảng biển tháng 9 năm 2021 đạt 13,906 lượt, giảm 96% so với cùng kỳ năm 2020, do dịch Covid - 19 kéo dài, đồng thời một số khu vực thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã dừng tàu khách tuyến từ bờ ra đảo như khu vực Kiên Giang, phần lớn là khối lượng hành khách nội địa tuyến bờ ra đảo và hành khách đi theo tàu chở hàng. Số lượt hành khách thông qua cảng biển 9 tháng năm 2021 đạt 2.957.576 lượt, giảm 39% so với cùng kỳ năm trước.

3. Ước tổng khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển 10 tháng năm 2021 là: 587.168.000 tấn, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2020.

- Hàng xuất khẩu đạt 150.277.000 tấn, tăng 4% với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nhập khẩu đạt 183.930.000 tấn, giảm 2% với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nội địa đạt 251.440.000 tấn, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng quá cảnh bốc dỡ đạt 1.521.000 tấn.

Trong đó: Ước khối lượng hàng container thông qua cảng biển 10 tháng năm 2021 là: 20.297.000 TEUs, tăng 12% so với năm 2020, trong đó:

- Hàng xuất khẩu đạt 6.651.000 Teus, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nhập khẩu đạt 6.684.000 Teus, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nội địa đạt 6.962.000 Teus, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2020.

II. Lượt tàu thuyền thông qua cảng biển (Phụ lục II)

Lượt tàu biển thông qua 9 tháng năm 2021, cụ thể:

- Lượt tàu mang cờ quốc tịch nước ngoài thông qua đạt 50.483 lượt tăng 31% so với cùng kỳ năm 2020.
- Lượt tàu mang cờ quốc tịch Việt Nam thông qua đạt 48.431 lượt, tăng 2% với cùng kỳ năm 2020.

Trong đó:

- + Tàu xuất nhập cảnh đạt 5.054 lượt, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2020.
- + Tàu chạy tuyến nội địa đạt 43.377 lượt, tăng 2% với cùng kỳ năm 2020.

III. Khối lượng, lượt phương tiện thủy nội địa thông qua cảng biển 9 tháng năm 2021 (Phụ lục II)

1. Lượt phương tiện thủy nội địa thông qua cảng biển tháng 9, cụ thể:

Lượt thông qua bằng phương tiện thủy nội địa đạt 265.376 lượt, giảm 6% với cùng kỳ năm 2020.

Trong đó: Lượt tàu thông qua bằng phương tiện VR-SB đạt 37.814 lượt, giảm 3% so với năm 2020 và chiếm 14,2% tổng lượt thông qua bằng phương tiện thủy nội địa.

2. Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển bằng tàu biển và phương tiện thủy nội địa 9 tháng năm 2021 (không bao gồm hàng quá cảnh không bốc dỡ), như sau:

- Khối lượng hàng hóa thông qua bằng tàu biển đạt 368.041.000 tấn, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2020.

- Khối lượng hàng hóa thông qua bằng phương tiện thủy nội địa đạt 163.058.000 tấn, giảm 4% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong đó: Khối lượng hàng hóa thông qua bằng phương tiện VR-SB đạt 45.916.000 tấn, tăng 37% so với năm 2020 và chiếm 28,2% tổng khối lượng hàng hóa thông qua bằng phương tiện thủy nội địa.

IV. Khối lượng hàng hóa thông qua các cảng do Vinalines quản lý tháng 9 năm 2021 (Phụ lục II), cụ thể:

Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển của các cảng do Vinalines quản lý đạt 68,883 triệu tấn, tăng 1% so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 12,97 % tổng khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển của cả nước, trong đó:

- Cảng Hải Phòng có khối lượng hàng hóa thông qua lớn nhất đạt 17,5 triệu tấn, chiếm 25,4%; thứ hai là Cảng Sài Gòn đạt 9,2 triệu tấn, chiếm 13,4 % so với tổng khối lượng hàng hóa do Vinalines quản lý;

- Tăng cao nhất là Cảng Sài Gòn tăng 32%, Cảng Cái Cui tăng 60% so với cùng kỳ năm trước, cảng giảm nhiều nhất là Cảng Hoàng Diệu là 44% so với cùng kỳ năm trước.

Cục Hàng hải Việt Nam kính báo cáo Bộ Giao thông vận tải./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Văn phòng (để đăng Website);
- Lưu VT, VTDVHH.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Hoàng Hồng Giang

Phụ lục I

Biểu số 28-T

Ngày báo cáo: 15/10/2021

Đơn vị báo cáo: Cục Hàng hải Việt Nam

Đơn vị nhân báo cáo: Bộ GTVT (Vụ VT)

THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA THÔNG QUA CẢNG BIỂN
Tháng 10/2021

TT	Danh mục loại hàng	Đơn vị tính	Kế hoạch năm	Khối lượng hàng hóa thông qua cảng					
				Từ đầu năm đến hết tháng trước	Ước thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Lũy kế cùng kỳ năm trước	So sánh cùng kỳ năm trước (%)	So sánh với kế hoạch năm (%)
A	B	C	1	2	3	4	5	6=4/5	7=4/1
	Tổng số	1000 tấn	725.367	531.100	56.068	587.168	573.325	102%	84%
	Hàng xuất khẩu	1000 tấn		135.929	14.348	150.277	144.848		
	Hàng nhập khẩu	1000 tấn		166.369	17.561	183.930	188.231		
	Hàng nội địa	1000 tấn		227.433	24.007	251.440	238.582		
	Hàng quá cảnh bốc dỡ	1000 tấn		1.369	152	1.521	1.664		
	Chia ra								
1	<u>Container</u>	<u>1000 tấn</u>	<u>252.253</u>	<u>183.367</u>	<u>19.355</u>	<u>202.722</u>	<u>196.966</u>	103%	
-	-	<u>1000 Teus</u>	<u>24.884</u>	<u>18.359</u>	<u>1.938</u>	<u>20.297</u>	<u>18.196</u>	112%	98%
	Xuất khẩu	1000 Tấn		58.218	6.145	64.363	60.764		
		1000 Teus		6.016	635	6.651	5.991		
	Nhập khẩu	1000 Tấn		64.074	6.763	70.837	63.920		
		1000 Teus		6.046	638	6.684	5.858		
	Nội địa	1000 Tấn		61.075	6.447	67.522	72.282		
		1000 Teus		6.297	665	6.962	6.347		
2	<u>Hàng lỏng</u>	<u>1000 tấn</u>	<u>81.927</u>	<u>56.688</u>	<u>5.984</u>	<u>62.672</u>	<u>64.250</u>	98%	75%
	Xuất khẩu	1000 tấn		3.506	370	3.876	5.855		
	Nhập khẩu	1000 tấn		18.198	1.921	20.119	22.662		
	Nội địa	1000 tấn		34.984	3.693	38.677	35.733		
3	<u>Hàng khô</u>	<u>1000 tấn</u>	<u>391.187</u>	<u>289.676</u>	<u>30.577</u>	<u>320.253</u>	<u>310.445</u>	103%	88%
	Xuất khẩu	1000 tấn		74.205	7.833	82.038	78.229		
	Nhập khẩu	1000 tấn		84.097	8.877	92.974	101.649		
	Nội địa	1000 tấn		131.374	13.867	145.241	130.567		
4	<u>Hàng quá cảnh</u>	<u>1000 tấn</u>	<u>79.435</u>	<u>57.073</u>	<u>6.024</u>	<u>63.097</u>	<u>66.226</u>	95%	79%

PHỤ LỤC II
BÁO CÁO SẢN LƯỢNG HÀNG HÓA THÔNG QUA CẢNG BIỂN THÁNG 9 NĂM 2021

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo năm trước	Thực hiện so với cùng kỳ (%)	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo năm trước	Thực hiện so với cùng kỳ (%)	
1	2	3	4	5=3/4	6	7	8=6/7	
I. Sản lượng hàng hóa và số lượt tàu thuyền thông qua cảng								
1.1. Sản lượng hàng hóa và số lượt tàu thuyền thông qua								
1.1.1. Tổng số lượt tàu biển	lượt	12.376	9.194	135%	98.914	86.075	115%	
1.1.1.1. Tàu ngoại	lượt	7.371	4.189	176%	50.483	38.459	131%	
1.1.1.2. Tàu nội	lượt	4.852	5.005	97%	48.431	47.616	102%	
Trong đó	+ Tàu xuất nhập cảnh	lượt	567	513	111%	5.054	4.959	102%
	+ Tàu chạy tuyến nội địa	lượt	4.265	4.486	95%	43.377	42.616	102%
1.1.2. Hàng hóa thông qua cảng	tấn	51.200.101	57.750.637	89%	531.099.536	518.863.048	102%	
Trong đó	+ Xuất khẩu	tấn	15.558.891	16.378.343	95%	135.929.161	130.597.059	104%
	+ Nhập khẩu	tấn	15.107.059	18.996.008	80%	166.368.178	169.678.160	98%
	+ Nội địa	tấn	20.425.041	22.267.176	92%	227.433.728	217.038.349	105%
	+ Hàng quá cảnh bốc dỡ	tấn	109.110	109.110	100%	1.368.469	1.549.480	88%
	+ container	tấn	17.341.890	20.726.929	84%	183.367.117	175.926.361	104%
	+ container	teus	1.660.249	1.970.538	84%	18.359.236	16.165.662	114%

	+ Hàng lỏng	tấn	5.327.904	5.377.780	99%	56.687.976	59.232.055	96%
	+ Hàng kho	tấn	28.474.305	31.511.824	90%	289.675.984	282.155.152	103%
1.2. Sản lượng hàng hóa và số lượt phương tiện thủy nội địa (PTTND) thông qua								
1.2.1. Tổng số PTTND		Lượt	25.755	30.371	85%	265.376	282.851	94%
Trong đó tổng số PTTND đăng ký SB		Lượt	3.272	2.925	112%	37.814	38.831	97%
1.2.2. Tổng số tấn PTTND		tấn	16.190.463	19.389.725	84%	163.058.330	170.359.350	96%
Trong đó tổng số PTTND SB vận tải ven biển		tấn	4.468.396	3.929.630	114%	45.916.253	32.569.373	141%
1.3. Tổng sản lượng hàng hóa thông qua khu vực cảng biển								
Tổng hàng hóa thông qua cảng		tấn	51.200.101	57.750.637	89%	531.099.536	518.863.048	102%
Trong đó	Hàng hóa thông qua cảng bằng tàu biển	tấn	35.009.638	38.360.912	91%	368.041.206	348.503.698	106%
	Hàng hóa thông qua cảng bằng phương tiện thủy nội địa	tấn	16.190.463	19.389.725	84%	163.058.330	170.359.350	96%
II. Sản lượng hàng hóa thông qua cảng do Vinalines quản lý		Triệu tấn	6,386	7,814	13,591	68,883	68,104	101%
Công ty CP Cảng Quảng Ninh		Triệu tấn	0,560	0,500	112%	4,950	3,960	125%
Công ty TNHH container Quốc tế Quảng Ninh		Triệu tấn	0,260	0,280	93%	2,930	2,920	100%
Cảng Hải Phòng (CP 94,68% vốn NN)		Triệu tấn	1,746	1,904	92%	17,516	17,864	98%
Cảng Transvina (LD Vinalines chiếm 58%)		Triệu tấn	0,028	0,028	100%	0,248	0,201	123%
Cảng Cửa Lò		Triệu tấn	0,33	0,24	138%	2,97	2,74	108%
Cảng Bến Thủy		Triệu tấn	0,04	0,05	80%	0,33	0,3	110%
Cảng Tiên Sa		Triệu tấn	0,607	0,796	76%	6,661	6,809	98%
Cảng Ba Ngòi		Triệu tấn	0,067	0,142	47%	1,387	1,287	108%
Cảng Sài Gòn		Triệu tấn	0,70	0,72	97%	9,20	6,98	132%
Cảng CMIT		Triệu tấn	0,67	1,25	54%	6,890	10,190	68%

Cảng SP-PSA	Triệu tấn	0,71	0,49	145%	5,690	4,516	126%
Cảng SSIT	Triệu tấn	0,56	1,22	46%	8,400	8,446	99%
Cảng Cái Cui	Triệu tấn	0,048	0,053	91%	0,72	0,45	160%
Cảng Hoàng Diệu	Triệu tấn	0,013	0,076	17%	0,44	0,78	56%
Cảng Vinalines Hậu Giang	Triệu tấn	0,047	0,065	72%	0,55	0,66	83%
Cảng Năm Căn	Triệu tấn	0	0	100%	0,001	0,001	100%
III. Hàng hóa quá cảnh							
Tổng số lượng hàng hóa quá cảnh	Tấn	6.469.949	6.909.412	94%	57.072.628	57.191.665	100%
IV. Hành khách	Lượt khách	13.906	311.246	4%	2.957.576	4.831.537	61%